

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp;

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn Tr, sinh năm 1980 (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thúy P, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 10B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Lâm Văn Tr trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Do được mai mối nên ông Lâm Văn Tr và bà Lê Thúy P chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, trong công chuyện làm ăn hàng ngày và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2018 cho

đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông Tr yêu cầu ly hôn với bà P.

- Về con chung: Có 02 người con tên Lâm Cẩm T, sinh ngày 26/01/2000 (nữ) và Lâm Quốc C (C), sinh ngày 06/9/2003 (nam), hiện sống chung với ông Tr. Khi ly hôn ông Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 01 người con là Lâm Quốc C (C), không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con, riêng con tên Lâm Cẩm T, sinh ngày 26/01/2000 (nữ) đã trưởng thành và đã có gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Lê Thúy P:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà bà P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông Tr. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà P không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lâm Văn Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Lê Thúy P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà P là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Tr và bà P chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông Tr xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, trong công chuyện làm ăn hàng ngày và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không

gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Mặt khác, bà P đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bà P vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy bà P cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà P với ông Tr. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà P với ông Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc.

Xét thấy, tại đơn xin xác nhận ngày 16/4/2020 thì Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi xác nhận ông Lâm Văn Tr từ năm 1999 đến nay có sống như vợ chồng với bà Lê Thúy P mà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Hợi. Do đó, ông Tr và bà P chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông Tr và bà P không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Lâm Cẩm T, sinh ngày 26/01/2000 (nữ), Lâm Quốc C (C), sinh ngày 06/9/2003 (nam), hiện sống chung với ông Tr. Khi ly hôn ông Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 01 người con là Lâm Quốc C (C), riêng con tên Lâm Cẩm T, sinh ngày 26/01/2000 (nữ) đã trưởng thành và đã có gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Lâm Quốc C (C) thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cho ông Tr được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Lâm Quốc C (C), sinh ngày 06/9/2003 (nam).

Bà P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có

chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông Tr phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lâm Văn Tr và bà Lê Thúy P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Lâm Văn Tr nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Lâm Quốc C (C), sinh ngày 06/9/2003 (nam).

Bà P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông Tr phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông Tr có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003810 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo